

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HS-ST

Ngày 13/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Hưng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị C** - Nguyên Hiệu trưởng trường Tiểu học số 1 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G;

2. Ông **Lê Văn D** - Nguyên Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện Đ, tỉnh G.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Lê Hiền B** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Thế Q** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2021/HSST ngày 07 tháng 12 năm 2021 theo Q định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 80/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q (Tên gọi khác: không) - Giới tính: Nam; sinh năm 1987 tại tỉnh N; nơi cư trú: Tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện P, tỉnh G; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958. Hiện bà H trú tại: Xã Y, huyện Y, tỉnh N; gia đình bị cáo có 05 anh em, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1989, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; Vợ: Phạm Thị Hồng, sinh năm 1987 (đã ly hôn).

Tiền án:

- Ngày 04/3/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh G xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 17/HSST. Đến ngày 22/6/2005, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đ xử phạt 06 năm 06 tháng tù (theo Bản án số 423). Chấp hành án tại Trại giam G thuộc huyện M, tỉnh G đến ngày 23/8/2010 chấp hành xong hình phạt tù về lại địa phương sinh sống. (Chưa xóa án tích).

- Ngày 21/10/2011, có hành vi Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy tại địa bàn huyện C, tỉnh G đến ngày 12/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G xử phạt

11 năm tù (theo Bản án số 21/2012/HSST). Chấp hành án tại Trại giam G thuộc huyện M, tỉnh G đến ngày 21/9/2020 chấp hành xong hình phạt tù về lại địa phương sinh sống. (Chưa xóa án tích)

Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 03/02/2021, có hành vi Trộm cắp tài sản tại phường Đ, thành phố P, tỉnh G. Ngày 12/12/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 01 năm tù theo bản án số 160/2021/HSST (Bản án chưa có hiệu lực pháp luật).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2021 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G, có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:** Chị **Đinh Thị S**, sinh ngày 07/02/2003. Trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị **Đinh Thị H**, sinh năm 1997. Trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do có nhu cầu mở quán kinh doanh ăn uống trên địa bàn xã A, huyện Đ, tỉnh G nên Nguyễn Văn Q đã thuê căn nhà tại làng Broch, xã A của chị Nguyễn Thị D (sinh năm 1976, trú tại: Thôn 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G), nhưng chị D không lấy tiền mà cho Q mượn nhà để sử dụng. Do trước đây Q có quen biết với vợ chồng anh Phan Tấn H (sinh năm 1994) và chị Đinh Thị H (sinh năm 1997) cùng trú tại: Thôn 3, xã Đông, huyện K, tỉnh G nên Q điện thoại nhờ anh H và chị H tìm nhân viên nữ phục vụ quán cho Q. Đến đầu tháng 6/2021, chị Đinh Thị H rủ chị Đinh Thị S (sinh ngày 07/02/2003, trú tại: Thôn 4, xã Đông, huyện K, tỉnh G) đi lên xã A, huyện Đ, tỉnh G chơi thì chị S đồng ý nhưng chị H không nói cho chị S biết mục đích là để giới thiệu chị S làm nhân viên cho Q.

Sáng ngày 10/6/2021, anh H thuê xe ô tô taxi để chở Đinh Thị S và Nguyễn Minh Đ (sinh năm 1991, trú tại: Thôn 4, xã N, huyện K, tỉnh G) cùng với vợ chồng anh H đi từ huyện K, tỉnh G đến làng B, xã A, huyện Đ, tỉnh G gặp Nguyễn Văn Q. Q tổ chức ăn nhậu tại quán phở thuộc làng B, xã A đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì tất cả nghỉ và đi về nhà của Nguyễn Văn Q tại làng B, xã A.

Tại nhà của Q thì mọi người ngồi chơi nói chuyện, Q nghĩ S tới xin làm nhân viên phục vụ tại quán cho Q nên Q nói với chị S “Tối cho anh thử một cái” tức là cho Q quan hệ tình dục thì chị S chỉ cười mà không nói gì. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Q gọi chị S vào trong phòng ngủ rồi Q đóng cửa lại; còn chị H, anh H và anh Đạt nằm ngủ ở bên ngoài phòng khách. Q yêu cầu chị S cho Q quan hệ tình dục nhưng chị S từ

chối và nói “Em làm gái đi hát Karaoke chứ không làm gái” (tức không bán dâm). Q bức tức, dùng tay tát vào mặt chị S thì chị S bỏ đi ra ngoài phòng khách, chị S nói với chị H “Ông Q làm bậy với em”. Lúc này, Q đi ra la mắng chị S “Tao có làm gì mày đâu mà mày nói vậy”, chị S lấy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 màu xanh dương để gọi điện thoại cho mẹ, Q thấy chị S gọi điện thoại nên Q giật điện thoại trên tay của chị S ném mạnh xuống dưới sàn nhà làm vỡ điện thoại và dùng tay đánh nhiều cái vào mặt, vào người của chị S thì vợ chồng chị H can ngăn không cho Q đánh chị S. Chị H nhặt điện thoại của chị S lên thì Q giật lại và tiếp tục ném điện thoại của chị S xuống nền nhà. Chiếc điện thoại bị bể vỡ hư hỏng hoàn toàn nên Q nhặt điện thoại đã bị hư hỏng ném ra trước sân. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

Đến khoảng 15 giờ ngày 11/6/2021, Q chở chị S đến cửa hàng bán điện thoại N tại Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G để tìm mua điện thoại trả lại cho chị S nhưng không có loại OPPO A53 nên Q mua điện thoại OPPO A39 đưa cho S dùng. Khi mua điện thoại thì Q nói với S dùng thử điện thoại vài ngày, Q sẽ tìm mua đúng điện thoại OPPO A53 trả lại theo yêu cầu của chị S và Q nói với anh Đặng Thành T (sinh năm 1985, trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ là chủ cửa hàng điện thoại N) đặt hàng một chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A53 theo mô tả của chị S, rồi Q chở chị S về lại nhà thuê của Q. Khi về tới nơi, chị S nói với chị H là điện thoại Q mua không đúng với điện thoại của chị S nên chị S không lấy mà bỏ lại điện thoại trên bàn nhà Q, rồi chị S cùng vợ chồng anh H và anh Đ gọi xe Taxi đi về lại huyện K, tỉnh G.

Đến ngày 19/6/2021, chị Đinh Thị S làm Đơn tố cáo Nguyễn Văn Q có hành vi Hiếp dâm, gây thương tích và hủy hoại tài sản đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để giải Q theo quy định.

Quá trình điều tra, Q không thừa nhận có hành vi Hiếp dâm đối với chị S và không có tài liệu chứng cứ nào khẳng định Q có hành vi hiếp dâm.

Ngày 28/6/2021, chị Đinh Thị S đã tự nguyện làm đơn từ chối giám định thương tích và rút đơn tố cáo đối với Q về hành vi Hiếp dâm, không yêu cầu xử lý đối với Q về hành vi Hiếp dâm và Cố ý gây thương tích.

Theo Bản kết luận định giá số 58 ngày 24/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, kết luận: Điện thoại nhãn hiệu OPPO A53, màu xanh dương đến thời điểm bị xâm phạm có trị giá là 2.900.000 đồng.

2. Về dân sự: Bị hại chị Đinh Thị S yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Q bồi thường số tiền 9.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn Q đã nhờ chị Đinh Thị H bồi thường số tiền trên cho chị S, chị S đã nhận đủ số tiền trên và không còn yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 07/12/2021 của

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Q phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”. Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 178; các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Q từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù; Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Q định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, Q định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 23 giờ ngày 10/6/2021, tại nhà thuê của Nguyễn Văn Q thuộc làng Broch, xã A, huyện Đ, tỉnh G, do bức tức với chị Đinh Thị S nên Nguyễn Văn Q đã có hành vi ném điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53, màu xanh dương của chị S xuống nền nhà, làm điện thoại bị hư hỏng hoàn toàn. Tài sản bị hư hỏng có trị giá là 2.900.000 đồng.

Bị cáo hoàn toàn nhận thức được quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản bất hợp pháp đều bị pháp luật trừng trị. Tuy nhiên, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi trái pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo có 02 tiền án về tội “Cướp tài sản” và “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Hủy hoại tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động người thân bồi thường về dân sự để khắc phục hậu quả cho người bị hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo bị cáo, cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về dân sự: Bị hại chị Đinh Thị S yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Q bồi thường số tiền 9.000.000 đồng, bị cáo đã tác động, nhờ chị Đinh Thị H bồi thường đủ cho chị S; Chị H không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này, chị S không còn yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự nên miễn xét.

[5] Về các vấn đề khác: Đối với nội dung tố cáo của chị S về hành vi Hiếp dâm của Nguyễn Văn Q; quá trình điều tra, Q không thừa nhận có hành vi Hiếp dâm đối với chị S và không có tài liệu chứng cứ nào khác khẳng định Nguyễn Văn Q hiếp dâm chị S nên không có căn cứ để xử lý, chị S cũng rút đơn tố cáo đối với Q về hành vi Hiếp dâm.

Ngoài ra, khi thực hiện hành vi hủy hoại tài sản, do bức tức nên Q có đánh chị S vào người, vào mặt nhưng không để lại thương tích, chị S từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý đối với Q về hành vi Cố ý gây thương tích nên không xử lý là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Q** phạm tội: “Hủy hoại tài sản”
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 178; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 24/6/2021.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/01/2022),

bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo; bị hại
- Người TGTG khác
- Lưu HS, AV, VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân H